

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH HÀ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04-6-2018.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ – TỈNH HẢI DƯƠNG**

- **Thành phần hội đồng xét xử gồm có**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắm;

2. Ông Hoàng Ngọc Thành.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện VKSND huyện Thanh Hà tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Duyên - Kiểm sát viên

Ngày 04 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 16/2018/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2018 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08-5-2018, quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST-HNGĐ ngày 29-5-2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm 1981. (có mặt)

ĐKHKT: Thị trấn H, huyện H, tỉnh Hải Dương.

Hiện trú tại: thôn X, xã K, huyện H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Vũ Đình U, sinh năm 1976.(vắng mặt)

ĐKHKT và trú tại: Thị trấn H, huyện H, tỉnh Hải Dương.

3. Những người làm chứng:

3.1. Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1986.

3.2. Bà Trần Thị C, sinh năm 1938.

Đều trú tại: Thị trấn H, huyện H, tỉnh Hải Dương.

3.3. Bà Trần Thị S, sinh năm 1959.

Trú tại: thôn X, xã K, huyện H, tỉnh Hải Dương.

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Chị Đặng Thị T và anh Vũ Đình U kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn H, huyện H, tỉnh Hải Dương ngày 06-3-2002. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường bất đồng quan điểm, anh U hay rượu chè về gây sự với chị dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau, đánh nhau làm ảnh hưởng đến mọi người xung quanh và các con. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và anh chị sống ly thân nhau từ đầu năm 2016 đến nay. Anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm, thôn xóm cũng đã đến hòa giải nhưng không thành. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh U.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là Vũ Thúy H, sinh ngày 26-7-1998. Cháu đã có gia đình riêng nên chị T không có yêu cầu đề nghị gì. Cháu thứ hai là Vũ Tuấn A, sinh ngày 19-9-2013, hiện đang ở với chị. Khi ly hôn, chị xin được nuôi cháu Tuấn A, không yêu cầu anh U đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị đang làm công nhân tại Công ty M, thu nhập bình quân 7.000.000đ/tháng. Bố mẹ chị cho chị ở cùng nhà ổn định lâu dài. Chị đảm bảo có đủ điều kiện về chỗ ở và kinh tế nuôi con. Khi chị bận, bố mẹ chị giúp chị đưa đón cháu đi học và trông nom cháu chu đáo.

Về tài sản: Anh chị có sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án: mặc dù bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc.

Kết quả xác minh tại địa phương: Chị T và anh U là công dân tại địa phương. Anh chị có mâu thuẫn, xô sát, đánh nhau nên chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở từ nhiều tháng nay. Nguyên nhân vì sao thì địa phương không nắm được. Tổ hòa giải của địa phương có đến gặp chị T để hòa giải nhưng chị T cho rằng vợ chồng không thể đoàn tụ được. Anh U hiện vẫn sinh sống ở địa phương.

Người làm chứng - Chị Nguyễn Thị O trình bày: Nhà chị ở gần nhà chị T anh U. Trước đây, chị thấy chị T và anh U thường xảy ra xô sát đánh nhau. Có lần chị trực tiếp can ngăn anh chị. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ nhiều tháng nay.

Bà Trần Thị C trình bày: bà là mẹ đẻ của anh U. Bà thấy vài năm gần đây, chị T và anh U thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đánh nhau. Gia đình và địa phương đã hòa giải cho anh chị nhưng không thành. Chị T thường chửi, nói anh U rất gay gắt. Thậm chí chị T còn có lời lẽ xúc phạm bà. Chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 7 năm 2016 đến nay. Gia đình bà đã đến gặp gỡ bố mẹ chị T để đón chị T về nhưng chị T kiên quyết không về và đòi ly hôn anh U. Anh U có nhận được các giấy tờ của Tòa án nhưng anh U cho biết là không đồng ý ly hôn và không đến Tòa án làm việc. Anh U và chị T có hai con chung là Vũ Thúy Huyền, sinh ngày 26-7-1998. Cháu đã có gia đình riêng. Cháu thứ hai là Vũ Tuấn Anh, sinh ngày 19-9-2013, hiện đang ở với chị T.

Bà Trần Thị S trình bày: Bà là mẹ đẻ chị T. Bà không trực tiếp chứng kiến mâu thuẫn của chị T và anh U nhưng bà được chị T cho biết vợ chồng anh chị mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Nguyên nhân vì sao bà không biết. Từ năm 2016, chị T mang con về ở với bà. Anh U có đến đón chị T mấy lần nhưng chị T kiên quyết không về. Bà và gia đình có khuyên bảo nhưng chị T không thay đổi. Anh chị có hai con chung. Cháu lớn đã trưởng thành, cháu nhỏ đang ở với chị T và gia đình bà. Bà đồng ý để chị T và con ở nhà bà ổn định lâu dài. Bà giúp chị T trông nom và đưa đón cháu Tuấn A đi học.

Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Tại phiên tòa hôm nay, chị T có mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện. Anh U vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 227, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng tuyên xử: Chị Đặng Thị T được ly hôn anh Vũ Đình U. Về con chung: Giao con chung là Vũ Tuấn A, sinh ngày 19-9-2013 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không yêu cầu anh U đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Thời gian giao con kể từ tháng 6 năm 2018 đến khi con chung thành niên, tròn 18 tuổi. Anh U được quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung để gây cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn đã được tranh tụng tại phiên tòa, bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về tố tụng:*** Anh Vũ Đình U đã nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. ***Về quan hệ vợ chồng:*** Chị Đặng Thị T và anh Vũ Đình U kết hôn trên cơ

sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND Thị trấn H, huyện H, tỉnh Hải Dương ngày 06-3-2002 là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau được hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường bất đồng quan điểm, anh U hay uống rượu say về gây sự với chị dẫn đến anh chị cãi nhau, đánh nhau làm ảnh hưởng đến mọi người xung quanh và các con. Anh chị sống ly thân nhau từ đầu năm 2016 đến nay. Mặc dù anh chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm, thôn xóm cũng đã đến hòa giải nhưng không thành. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh U. Anh U đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Gia đình anh U cho biết anh U có quan điểm không đồng ý ly hôn với chị T. Tuy nhiên, anh U không đến Tòa án làm việc chứng tỏ anh U không thực sự muốn hòa giải với chị T.

Lời khai của chị T phù hợp với cung cấp của địa phương và những người làm chứng. Hội đồng xét xử nhận thấy: mâu thuẫn giữa chị T và anh U là có thật và đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn anh U là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Anh chị có hai con chung là Vũ Thúy H, sinh ngày 26-7-1998. Cháu đã có gia đình riêng nên chị T không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Cháu thứ hai là Vũ Tuấn A, sinh ngày 19-9-2013, hiện đang ở với chị. Hội đồng xét xử thấy chị T có đủ điều kiện về kinh tế và chỗ ở cũng như các điều kiện khác để nuôi cháu Tuấn A. Anh U không có quan điểm về con chung. Do đó, chấp nhận đề nghị của chị T. Khi ly hôn, giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tuấn A, anh U không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[4]. Về tài sản: Anh chị không có sản chung, không có nợ chung, không cho ai vay nợ chung, chị không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự. □p dụng Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chị Đặng Thị T được ly hôn anh Vũ Đình U.

2. Về con chung: Giao con chung là Vũ Tuấn A, sinh ngày 19-9-2013 cho chị Đặng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh U không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Thời gian giao con kể từ tháng 6 năm 2018 đến khi con chung thành niên, tròn 18 tuổi.

Anh Vũ Đình U được quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm nom con chung để gây cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của chị T.

3. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đồi trừ khoản tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2014/0001123 ngày 16-01-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị T đã thi hành xong tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục thi hành án huyện Thanh Hà;
- UBND TT Thanh Hà;
- Các đương sự;
- Lưu VP TA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Phạm Thúy Hằng